



Thứ năm, ngày 22 tháng 11 năm 2018

Vietnam Daily Review

VN-Index tăng nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 23/11/2018		•	
Tuần 19/11-23/11/2018		•	
Tháng 11/2018		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index biến động và tăng ở phiên sáng, chỉ số tiếp tục đà tăng ở phiên chiều.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VNM (+1.25 điểm); VIC (+0.69 điểm); VPB (+0.49 điểm); VNM (+0.49 điểm); BVH (+0.48 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VCB (-0.67 điểm); HPG (-0.46 điểm); GAS (-0.41 điểm); CTG (-0.40 điểm); VRE (-0.17 điểm).
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu giáo dục và thương mại, thanh khoản giảm nhẹ so với phiên trước.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 2442.1 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 4.13 điểm. Thị trường có 146 mã tăng và 142 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 1.86 điểm, đóng cửa tại 924.42 điểm. Tuy nhiên, HNX-Index tăng 0.65 điểm ở mức 104.55 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 75.27 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VIC (96.97 tỷ), HPG (37.34 tỷ) và VPI (12.53 tỷ). Ngoài ra, họ đã bán ròng 10.42 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Trong phiên sáng, chỉ số VN-Index biến động và tăng điểm với lực mua mạnh ở nhóm cổ phiếu bluechips: VNM, MSN, GAS và SAB. Kết thúc giao dịch phiên chiều chỉ số tăng điểm nhẹ so với phiên hôm trước. Cổ phiếu VHM dẫn đầu kéo thị trường tăng điểm. Tuy nhiên GAS quay đầu bán ròng so với phiên sáng và lực bán tập trung ở nhóm cổ phiếu ngân hàng: VCB, CTG, BID và TCB. Phiên đầu giá bán cổ phần của Vinaconex do SCIC sở hữu, kết quả Công ty TNHH An Quý Hưng trúng thầu với giá 28,900 đồng/cổ phiếu, cao hơn mức giá đóng cửa trong phiên là 18,500 đồng. Theo quan điểm BSC, thị trường tăng tiếp tục điểm nhẹ nhưng khối ngoại vẫn bán ròng và thanh khoản vẫn ở mức thấp. BSC khuyến nghị nhà đầu tư mạo hiểm nên bỏ tỷ trọng vào những cổ phiếu có tính thanh khoản cao để có thể ứng biến dễ dàng với những diễn biến thị trường sắp tới.

Phân tích kỹ thuật:

CTI_Đi ngang

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX **924.42**

Giá trị: 2442.1 tỷ **1.86 (0.2%)**

Khối ngoại (ròng): -75.27 tỷ

HNX-INDEX **104.55**

Giá trị: 499.64 tỷ **0.65 (0.63%)**

Khối ngoại (ròng): -10.42 tỷ

UPCOM-INDEX **52.16**

Giá trị: 243.8 tỷ **0.1 (0.19%)**

Khối ngoại (ròng): -0.26 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	53.8	-1.61%
Giá vàng	1,228	0.12%
Tỷ giá USD/VND	23,355	0.09%
Tỷ giá EUR/VND	26,606	0.16%
Tỷ giá JPY/VND	20,671	0.23%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	4.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	25.3	VIC	97.0
SBT	25.3	HPG	37.3
GMD	24.0	VPI	12.5
HDB	21.3	VCB	10.9
BID	15.6	VJC	8.6

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường Trang 1

Phân tích kỹ thuật Trang 2

Danh mục khuyến nghị Trang 3

Cổ phiếu lớn Trang 4

Thống kê thị trường Trang 5

Báo cáo mới nhất Trang 6

Khuyến cáo sử dụng Trang 7

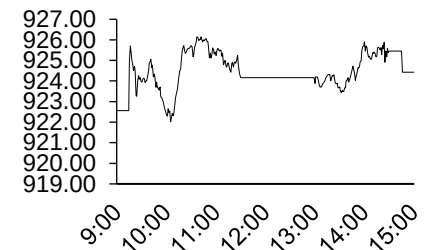
Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

Lê Quốc Trung

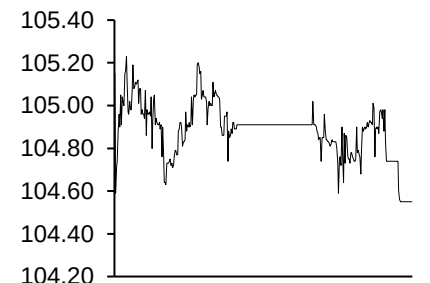
trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1812	892.0	-0.3%	-0.1%
VN30F1901	890.1	-0.1%	-35.6%
VN30F1903	895.0	0.3%	-70.0%
VN30F1906	892.4	0.3%	-13.3%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	22	3.0	1.9
VIC	98	0.7	0.7
MSN	82	1.0	0.7
VNM	120	0.8	0.7
MWG	86	1.2	0.4

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	36	-2	-1.4
VRE	31	-1	-0.5
VCB	55	-1	-0.3
MBB	21	-1	-0.3
CTG	23	-2	-0.2

Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
VIC	5.7	98.0	90	100	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
ACB	5.6	29.4	27	31	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VNM	4.9	120.1	115	121	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VPB	4.8	22.5	19	23	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
ROS	4.7	36.5	35	39	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
HPG	4.3	35.8	35	40	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
MBB	3.9	21.2	20	22	MUA	Giảm giá kéo dài
CTG	3.3	23.0	21	24	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VJC	3.3	128.1	121	138	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
BID	2.6	31.9	30	34	NGỪNG BÁN	Hồi phục giá trong ngắn hạn

Phân tích kỹ thuật

CTI_Đi ngang

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Xu hướng giảm giá, hồi phục ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Tạo hội tụ
- Chỉ báo RSI: Chạm Bollinger dưới
- Khối lượng giao dịch: Khối lượng giao dịch tăng đáng kể trong vùng tích lũy giá 24.4 và 25.8

Nhận định: CTI là cổ phiếu thuộc ngành Vật liệu XD hiện đang xu hướng giảm giá, hồi phục ngắn hạn. Chỉ báo MACD và giá CTI cho tín hiệu hội tụ báo hiệu xu hướng cũ sẽ chấm dứt sớm. Tuy nhiên, CTI vừa phá qua vùng cản mạnh tại mức giá 24.4, vùng cản này được tạo ra bởi một đợt tích lũy từ hồi đầu tháng 10, khối lượng giao dịch gia tăng đột biến trong khoảng thời gian này. Vùng cản mạnh 24.4 đã bị phá qua, vì vậy nhiều khả năng, CTI sẽ quay lại thử thách ngưỡng giá này rồi tiếp tục đi theo xu hướng cũ.



Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	32.50	-0.6%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	13.65	8.3%	11.6	14.5
3	PTB	4/10/2018	64.00	64.10	0.2%	58.9	73.6
Trung bình					2.6%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	29/12/2017	20.8	21.20	1.9%	19.1	25.0
2	HPG	29/12/2017	33.4	35.80	7.2%	31.7	40.1
3	HCM	18/09/2017	41.9	56.50	34.8%	39.8	60.0
Trung bình					14.7%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	PVT	29/12/2017	17.7	16.8	-5.1%	16.3	21.2
2	TCB	31/10/2018	26.9	26.5	-1.5%	25.0	30.0
Trung bình					-3.3%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	85.8	1.2%	0.7	1,606	1.1	6,481	13.2	4.5	49.0%	41.2%	
PNJ	Bán lẻ	96.4	0.9%	1.0	680	1.3	5,428	17.8	4.6	49.0%	30.0%	
BVH	Bảo hiểm	96.2	2.3%	1.3	2,932	0.3	1,728	55.7	4.6	24.8%	8.4%	
PVI	Bảo hiểm	31.5	1.6%	0.8	317	0.2	2,265	13.9	1.1	43.9%	7.8%	
VIC	Bất động sản	98.0	0.7%	1.0	13,599	5.7	1,366	71.7	5.7	9.5%	10.3%	
VRE	Bất động sản	31.3	-0.9%	1.1	3,169	1.1	646	48.5	2.8	31.5%	5.7%	
NVL	Bất động sản	67.7	0.1%	0.8	2,671	0.4	2,368	28.6	3.5	7.7%	14.2%	
REE	Bất động sản	32.5	-0.3%	1.1	438	0.4	5,068	6.4	1.1	49.0%	19.1%	
DXG	Bất động sản	25.6	0.8%	1.5	389	1.8	3,042	8.4	1.9	47.3%	25.9%	
SSI	Chứng khoán	28.7	-0.9%	1.3	622	1.5	2,899	9.9	1.5	57.8%	15.8%	
VCI	Chứng khoán	50.9	3.0%	1.0	361	0.3	4,289	11.9	2.7	41.3%	30.5%	
HCM	Chứng khoán	56.5	-0.9%	1.4	318	0.2	6,094	9.3	2.4	62.3%	27.8%	
FPT	Công nghệ	43.4	0.0%	0.9	1,158	0.6	5,322	8.2	2.2	49.0%	28.9%	
FOX	Công nghệ	51.5	0.0%	0.4	506	0.0	3,453	14.9	3.8	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	93.2	-0.7%	1.5	7,756	1.2	6,473	14.4	4.2	3.5%	30.6%	
PLX	Dầu khí	58.0	0.0%	1.5	2,922	0.7	3,285	17.7	3.4	10.9%	19.5%	
PVS	Dầu khí	19.4	-2.0%	1.7	403	2.5	1,747	11.1	0.9	20.8%	7.8%	
BSR	Dầu khí	14.6	-2.7%	0.8	1,968	1.9	#N/A	N/A	N/A	N/A	34.6%	23.0%
DHG	Dược	85.2	0.8%	0.5	484	0.6	4,037	21.1	3.8	49.0%	18.3%	
DPM	Hóa chất	19.9	0.3%	0.9	339	0.2	1,492	13.3	1.0	21.1%	8.1%	
DCM	Hóa chất	9.9	-2.3%	0.7	228	0.2	997	9.9	0.9	4.0%	8.6%	
VCB	Ngân hàng	54.8	-1.1%	1.3	8,572	2.3	3,360	16.3	3.2	20.8%	20.9%	
BID	Ngân hàng	31.9	-0.5%	1.7	4,734	2.6	2,401	13.3	2.2	2.8%	17.4%	
CTG	Ngân hàng	23.0	-1.5%	1.6	3,715	3.3	2,064	11.1	1.2	30.0%	11.7%	
VPB	Ngân hàng	22.5	3.0%	1.2	2,398	4.8	2,820	8.0	1.8	23.2%	26.9%	
MBB	Ngân hàng	21.2	-0.7%	1.2	1,991	3.9	2,366	9.0	1.5	20.0%	17.4%	
ACB	Ngân hàng	29.4	1.7%	1.2	1,594	5.6	3,498	8.4	1.9	34.3%	25.0%	
BMP	Nhựa	56.7	0.4%	0.9	202	0.2	5,586	10.2	1.9	77.4%	18.5%	
NTP	Nhựa	42.0	-0.7%	0.4	163	0.0	3,938	10.7	1.7	23.1%	16.6%	
MSR	Tài nguyên	21.4	-0.9%	1.2	837	0.0	229	93.5	1.7	2.1%	1.8%	
HPG	Thép	35.8	-1.9%	0.9	3,306	4.3	4,334	8.3	2.0	39.4%	26.7%	
HSG	Thép	7.4	-3.0%	1.4	124	1.0	1,065	6.9	0.6	17.4%	8.0%	
VNM	Tiêu dùng	120.1	0.8%	0.6	9,093	4.9	4,997	24.0	8.2	58.8%	35.2%	
SAB	Tiêu dùng	242.0	0.0%	0.8	6,747	0.1	6,902	35.1	9.3	9.8%	28.5%	
MSN	Tiêu dùng	82.0	1.0%	1.2	4,147	2.0	5,416	15.1	4.9	40.3%	30.9%	
SBT	Tiêu dùng	21.6	-0.5%	0.7	465	2.1	869	24.9	1.8	10.1%	11.3%	
ACV	Vận tải	80.0	-1.1%	0.8	7,573	0.1	1,883	42.5	6.4	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	128.1	0.1%	1.1	3,017	3.3	9,463	13.5	6.6	23.8%	67.1%	
HVN	Vận tải	32.7	-0.9%	1.7	1,775	0.4	1,727	18.9	2.7	9.2%	14.6%	
GMD	Vận tải	29.1	-1.2%	0.8	376	1.8	6,311	4.6	1.5	48.0%	30.8%	
PVT	Vận tải	16.8	-0.6%	0.8	206	0.1	2,165	7.8	1.2	34.4%	16.7%	
VCS	Vật liệu xây dựng	76.6	1.1%	1.0	533	0.3	5,620	13.6	4.4	2.5%	43.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	15.8	0.0%	0.9	308	0.5	1,179	13.4	1.1	24.5%	8.7%	
HT1	Vật liệu xây dựng	13.7	1.5%	0.8	226	0.3	1,599	8.5	1.0	5.1%	12.2%	
CTD	Xây dựng	153.5	0.0%	0.8	522	0.1	20,202	7.6	1.5	44.4%	21.1%	
VCG	Xây dựng	18.5	0.0%	1.3	355	1.3	2,384	7.8	1.3	0.0%	17.6%	
CII	Xây dựng	26.8	-0.6%	0.6	285	0.6	332	80.7	1.3	54.8%	1.7%	
POW	Điện	14.6	2.8%	0.6	1,487	1.1	1,026	14.2	1.3	71.9%	9.1%	
NT2	Điện	25.3	-1.2%	0.6	317	0.0	2,874	8.8	2.0	21.8%	19.8%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	77.00	1.58	1.26	504210.00
VIC	98.00	0.72	0.70	1.35MLN
VPB	22.45	2.98	0.50	5.00MLN
VNM	120.10	0.76	0.49	933880.00
BVH	96.20	2.34	0.48	62530.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	54.80	-1.08	-0.68	961120.00
HPG	35.80	-1.92	-0.47	2.74MLN
GAS	93.20	-0.75	-0.42	295800.00
CTG	22.95	-1.50	-0.41	3.32MLN
VRE	31.30	-0.95	-0.18	763390.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DRL	42.80	7.00	0.01	700.00
TDW	26.05	6.98	0.01	120.00
YBM	19.20	6.96	0.01	639410.00
HAS	8.77	6.95	0.00	10.00
SC5	26.20	6.94	0.01	2070.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
EMC	13.95	-7.00	0.00	10.00
NAV	8.38	-6.99	0.00	4910.00
DTA	6.66	-6.98	0.00	10.00
VPS	12.00	-6.98	-0.01	120.00
TEG	7.35	-6.96	0.00	3230.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	29.40	1.73	0.63	4.40MLN
CEO	13.50	4.65	0.06	2.04MLN
DTD	18.90	9.88	0.03	763900.00
VCS	76.60	1.06	0.03	93600.00
DBC	27.40	1.48	0.02	16400.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	19.40	-2.02	-0.10	2.85MLN
SLS	52.30	-9.98	-0.04	41600.00
HUT	4.30	-2.27	-0.02	1.17MLN
OCH	6.00	-3.23	-0.02	7100.00
PHP	10.70	-3.60	-0.01	600.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

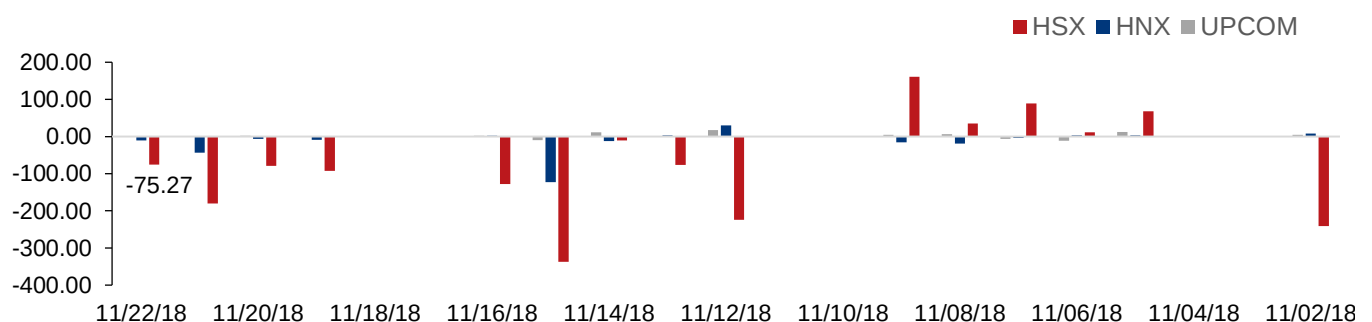
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVX	1.10	10.00	0.02	812100.00
SRA	55.40	9.92	0.01	204900.00
DTD	18.90	9.88	0.03	763900.00
CSC	31.40	9.79	0.01	15500.00
HLY	11.60	9.43	0.00	200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.80	-11.11	0.00	21300.00
BBS	11.70	-10.00	0.00	600.00
DCS	0.90	-10.00	-0.01	43500.00
ONE	4.50	-10.00	0.00	200.00
S74	4.50	-10.00	0.00	100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
10	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	14.8	157	94.1	1.3	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	25.3	2,874	8.8	2.0	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	13.5	1,102	12.2	1.1	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	25.2	-2,092	#N/A	2.0	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	29.4	3,498	8.4	1.9	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	40.8	5,746	7.1	1.3	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	15.4	1,087	14.2	1.3	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	16.8	2,165	7.8	1.2	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	35.8	4,334	8.3	2.0	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	25.6	3,042	8.4	1.9	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	19.5	3,200	6.1	1.3	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	29.7	5,796	5.1	1.6	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	43.4	5,322	8.2	2.2	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	54.8	3,360	16.3	3.2	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	19.4	1,747	11.1	0.9	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	21.2	2,366	9.0	1.5	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	153.5	20,202	7.6	1.5	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	5.5	-370	#N/A	0.4	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	87.8	18,132	4.8	1.3	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	96.4	5,428	17.8	4.6	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

